

Số: 467/2017/QĐST- HNGĐ

*Thành phố Huế, ngày 26 tháng 9 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 134/2017/TLST- HNGĐ ngày 21/3/2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Viết K, sinh năm 1965; Nơi ĐKKHKT: 23 Trần Ph, phường Phước V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn Lang Xá B, xã Thủy Th, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Bị đơn:** Bà Cao Thị Ú, sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 23 Trần Ph, phường Phước V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị Ú:** Bà Hồ Thị L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 59, 62, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/9/2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Ngô Viết K và bà Cao Thị Ú.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về hôn nhân: Ông K, bà Ú chung sống không còn hạnh phúc, đã 02 năm nay vợ chồng không sống chung với nhau nữa nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Vì vậy, ông K và bà Ú cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về nuôi con chung: Ông K, bà Ú công nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thị Mỹ Q, sinh ngày 02/6/1996. Con chung đã trưởng thành nên ông K, bà Ú không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con.

c. Về tài sản chung : Ông Ngô Viết K và bà Cao Thị Ú cùng xác nhận vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại 15A/39 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc thửa số 15 C, diện tích 123m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/1998 đứng tên Ngô Viết Kỳ và Cao Thị Út. Theo biên bản định giá tài sản nhà và đất của ông K và bà Ú vào ngày 25/7/2017 thì tài sản có tổng giá trị là 940.400.580 đồng (giá trị đất: 861.000.000 đồng, nhà cấp 4 có khu phụ: 70.761.600 đồng; nhà tạm: 8.638.980 đồng). Ông K, bà Ú thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng chia đôi mỗi người hưởng một nửa giá trị tài sản là 470.200.290 đồng.

Ông Ngô Viết K và bà Cao Thị Ú thỏa thuận giao nhà và đất trên cho bà Cao Thị Ú sở hữu và sử dụng. Bà Cao Thị Ú có trách nhiệm thanh toán 1/ 2 giá trị tài sản bằng tiền cho ông Ngô Viết K là 470.200.290 đồng ( Bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm nghìn hai trăm chín mươi đồng). Thời gian thanh toán tiền kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Cao Thị Ú có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển tên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nếu quá thời hạn thỏa thuận thanh toán, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

d. Về nợ chung: Ông Ngô Viết K và bà Cao Thị Ú cùng xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ. Về tiền chi phí định giá tài sản: Ông Ngô Viết K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng, ông K đã nộp đủ.

e. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Ông K, bà Ú mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng ông K tự nguyện chịu án phí của cả hai người là 150.000đồng. Ông Ngô Viết K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng nên hoàn trả lại cho ông Ngô Viết K 150.000đồng theo biên lai thu số AA/2013/002434 ngày 21/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

- Án phí tranh chấp tài sản:

Ông Ngô Việt K được hưởng giá trị tài sản là 470.200.290 đồng nên phải chịu án phí là  $((20.000.000\text{đồng} + (70.200.290\text{ đồng} \times 4\%)) : 2 = 11.404.005\text{ đồng}$ .

Ông Ngô Việt K đã nộp tạm ứng án phí tranh chấp 14.000.000 đồng nên hoàn trả lại cho ông Ngô Việt K 2.595.995 đồng theo biên lai thu số AA/2013/002433 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bà Cao Thị Ú được hưởng giá trị tài sản là 470.200.290 đồng nên phải chịu án phí là  $((20.000.000\text{đồng} + (70.200.290\text{ đồng} \times 4\%)) : 2 = 11.404.005\text{ đồng}$ .

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSNDTP-Huế;
- UBNDP Phú C, Huế;
- (Trích lục KH ngày 23/5/1996)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Lê Tuyết Linh**